TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2023
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Ông Phạm Ngọc Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh **H**; địa chỉ: KP D, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

2- Bị đơn: Chị **M**; địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Anh H và chị M kết hôn năm 2021, hôn nhân tự nguyện do quen biết, yêu nhau từ thời sinh viên. Trong thời gian sống chung bất đồng quan điểm, xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết

ly hôn. Hiện tại anh chị không có con chung và không tranh chấp về tài sản nên không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác. Không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh H có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

- *Chị M có đơn xin vắng mặt phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai ngày 28/12/2022 chị M trình bày:* Chị M và anh H quen nhau khi học chung đại học từ năm 2015; ngày 02/01/2021 đăng ký kết hôn, lúc này đang học năm cuối. Dự định khoảng tháng 07 - 08 năm 2021 sẽ tổ chức lễ cưới; sau đó bên anh H diện nhiều lý do không tổ chức lễ cưới. Tháng 12/2021 anh H và chị M lên Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà ở, đến ngày 01/4/2022 chị M về An Minh ở. Giữa chị và anh H không có mâu thuẫn gì lớn nên chị M không đồng ý ly hôn. Anh chị không có con chung, không yêu cầu về tài sản và cấp dưỡng.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh H yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H yêu cầu ly hôn, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn"*.

Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án không hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng các đương sự không ai thuộc đối tượng được trợ giúp.

[2] Anh chị đăng ký kết hôn năm 2021 đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân. Anh H yêu cầu ly hôn, nhưng chị M không đồng ý ly hôn.

Hiện nay anh H và chị M mỗi người sống một nơi, anh H không cho chị M biết địa chỉ mới. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh H có đơn xin vắng mặt; chị M yêu cầu được gặp anh H một lần để nói chuyện cho rõ ràng, dứt khoát. Tòa án đã triệu tập anh H để hòa giải, tại buổi hòa giải anh H có mặt, nhưng chị M lại vắng mặt. Anh H tiếp tục có đơn xin vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Xét thấy, hiện nay anh chị không sống chung, mỗi người một nơi, không liên lạc nhau, anh H cương quyết ly hôn, cố tình né tránh, không cho chị M biết nơi ở mới, nếu không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H thì anh chị cũng không sống chung với nhau được. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc cho nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh chị không có con chung, không tài sản chung nên cũng không có gì ràng buộc nhau. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị cho anh chị ly hôn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh H được ly hôn với chị M.

Không ai yêu cầu giải quyết vấn đề khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Án phí anh H phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị M. Anh H được ly hôn với chị M.

2- Về án phí sơ thẩm: Anh H chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004267 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận